

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08/6/ 2021
V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Bé.
2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Không tham gia.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 188, ấp Bình Tây, xã B, huyện P, tỉnh An Giang. (có mặt).

+ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp An Phước, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các phiên hòa giải bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự tìm hiểu. Vợ chồng chung sống 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống khoảng từ 02 năm nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không đạt được mục đích. Nay tình cảm không còn bà xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

+ *Về quan hệ con chung:* Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trúc M, sinh ngày 08/01/2016. Hiện tại con chung đang chung sống với bà, và

ông T. Khi ly hôn bà đồng ý để ông T được nuôi dưỡng con chung, bà không đồng ý cấp dưỡng.

+ Về *quan hệ* tài sản chung: Không có.

+ Về *quan hệ* nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không gửi văn bản cũng như không tham gia các phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Nguyễn Văn T đã được tổng đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay ông T vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là đúng theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Trúc L xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Ông T có nơi cư trú tại ấp An Phước, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Nguyễn Văn T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện tại tình cảm hôn nhân giữa bà Trúc L và ông T không thể tồn tại. Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà Trúc L và ông T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Trúc L xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T là phù hợp được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung*: Bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trúc M, sinh ngày 08/01/2016. Hiện nay con chung đang sống với bà Trúc L và ông T, Khi ly hôn bà đồng ý để ông T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, bà không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử xét thấy nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện của bà Trúc L giao con chung cho ông T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Do ông T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Bà Nguyễn Thị Trúc L không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng bà có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà Trúc L thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quan hệ nợ chung*: Bà Trúc L trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Trúc L và ông T trong thời kỳ hôn nhân thì bà Trúc L và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc L.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42, ngày 15/3/2016 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Nguyễn Văn T. Không còn giá trị pháp lý.

3. *Về quan hệ con chung*: Ông Nguyễn Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Trúc M, sinh ngày 08/01/2016. Bà Trúc L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Trúc L không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng bà có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà Trúc L thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về quan hệ tài sản chung*: Bà Trúc L trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về quan hệ nợ chung*: Bà Trúc L trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Trúc L và ông T trong thời kỳ hôn

nhân thì bà Trúc L và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Trúc L phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng; theo biên lai thu số 0006192 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Bà Trúc L đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Trúc L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Thanh